

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **184/2021/HS-PT**

Ngày: 10 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG N

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Ông **Võ Minh Diệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Đào Thị Việt Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng N, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **144/2021/HS-PT** ngày 15 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo N. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: **14/2021/HS-ST** ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Bị cáo có kháng cáo: **N (tên gọi khác: B)**, sinh năm 1988; nơi cư trú: Khối 7B, phường Điện N Đông, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Lái thuyền du lịch; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Lê Đ (sinh năm 1959) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1962); có vợ là Ngô Thị Minh N (sinh năm 1987) và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012;

Tiền án: Ngày 29/01/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng N xử phạt 06 (Sáu) tháng 07 (Bảy) ngày tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Đã chấp hành xong hình phạt chính, đến ngày 05/8/2020 thực hiện hành vi phạm tội mới nhưng chưa thi hành án phí. (Ngày 30/12/2020 bị cáo mới thi hành xong án phí).

Tiền sự: Ngày 18/5/2020 bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo hiện bắt tạm giam từ ngày 06/10/2020; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ 00 ngày 05/8/2020, bị cáo N đang ngồi chơi tại nhà Nguyễn Nhật H thì thấy anh Tạ Quang H đi bộ về nhà. N đuổi theo giữ H lại để đòi nợ số tiền 30.000.000 đồng. N cầm cổ áo H và nói: “*Mi trốn tao hả, tiền tao đâu?*”. H trả lời: “*Em không có tiền*”. Bị cáo N dùng tay đánh vào mặt, dùng chân đá vào người H và nói: “*Chừ trong người còn bao nhiêu tiền đem ra hết đây*”; đồng

thời, N giật cái điện thoại hiệu Xiaomi, màu đen, số model: M1805D1SG trên tay H và dùng tay móc trong túi quần trước của H lấy số tiền 160.000 đồng, bao gồm: 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng), 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng), 01 (Một) tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng) và lấy trong túi quần sau của H một cái ví da màu đen. N giữ những tài sản trên và bảo H lên xe chở qua nhà H nói chuyện. Tại đây, bị cáo kiểm tra ví tiền của H thấy không có tiền nên trả lại ví cho H. N bảo H mở máy điện thoại di động, đăng nhập vào ứng dụng trò chơi có tên Gamvip (một ứng dụng trò chơi đánh bạc trên mạng) để kiểm tra số tiền trong tài khoản game. H đăng nhập vào tài khoản game của H và N kiểm tra thấy trong tài khoản game có 220.000 đồng (quy đổi ra tiền thành 180.000 đồng) nên buộc H chuyển số tiền trên qua tài khoản game của N. Sau đó, N mượn điện thoại của Hoàng, buộc H gọi điện cho người nhà đem đến số tiền 15.000.000 đồng hoặc 10.000.000 đồng trả nợ cho N thì H mới được về. Tạ Quang H gọi điện về cho vợ là Nguyễn Thị Thu H nhưng vợ H nói không có tiền. H gọi cho mẹ là bà Trần Thị Kim A nhưng bà A không bắt máy. Sau đó, H xin N cho về nhà lấy tiền và N đồng ý. Tuy nhiên, H không quay lại nhà H nên N đành bỏ về.

Khoảng 15 giờ 00 ngày 15/8/2020, bị cáo N nhờ Trần Minh H chở đi tìm H. Khi đến khu vực hồ nuôi tôm thuộc tổ 16, thôn Đồng Nà, xã C, thành phố H, thấy xe mô tô hiệu WAZELT(Watasi) màu đỏ đen, biển kiểm soát 62M2-8434 H thường hay sử dụng làm phương tiện đi lại, đang dừng ở bờ hồ, N tìm xung quanh thì thấy H đang trốn trong bụi cây. N gọi H ra rồi dùng tay đánh vào mặt H và nói: “Lên xe về nhà nói chuyện”. H trả lời: “Em có xe”, thì N bảo: “Đưa chìa khóa xe và điện thoại đây”. H sợ quá đưa chìa khóa xe và điện thoại di động hiệu Nokia 105 Zin, màu đen cho N. Khi đi ra được một đoạn thì H bỏ chạy, N đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó, N điều khiển xe của H về nhà ba N (tại tổ 17, thôn Bến Trẽ, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng N). Đến ngày 24/8/2020, N đem giao nộp những tài sản trên.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 52/KT-ĐGTS ngày 16/9/2020 và 53/KT-ĐGTS ngày 17/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản công tố tụng hình sự, các tài sản mà bị cáo N đã chiếm đoạt có giá trị như sau: 01 (Một) cái điện thoại hiệu Xiaomi Mi A2 Lite màu đen có giá trị 250.000 đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), 01 (Một) xe mô tô hiệu WAZELT(Watasi) màu đỏ đen, BKS: 62M2-8434 có giá trị 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng), 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 Zin có giá trị 80.000đ (Tám mươi nghìn đồng).

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam đã quyết định: Tuyên bố bị cáo N phạm tội “Cướp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo N 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 06/10/2020).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Vào ngày 11/5/2021, bị cáo N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo N về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự để làm căn cứ xử phạt bị cáo mức án 03 năm tù là có cơ sở, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên kháng cáo của bị cáo là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N khai nhận: Do bị hại Tạ Quang H có thiếu nợ bị cáo số tiền 30.000.000 đồng, hạn 03 tháng trả nợ NH quá hạn rất lâu vẫn không chịu trả. Vào các ngày 05/8/2020 và 15/8/2020, trong quá trình đi đòi nợ, bị cáo đã có hành vi đánh vào người làm H hoảng sợ, không thể chống cự được để chiếm đoạt của anh H các tài sản bao gồm: số tiền 160.000 đồng, 01 điện thoại hiệu Xiaomi Mi A2 Lite màu đen có giá trị 250.000 đồng, số tiền trong tài khoản game là 220.000 đồng (quy đổi có giá trị 180.000 đồng), 01 xe mô tô hiệu WAZELT màu đỏ đen có giá trị 900.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 Zin có giá trị 80.000 đồng.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo N đã có hành vi dùng vũ lực làm cho bị hại mất khả năng chống cự để chiếm đoạt tài sản của bị hại, có tổng giá trị **1.570.000** đồng nên Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2021/HS-ST ngày 11/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam đã kết án bị cáo về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và xem xét nhân thân để làm căn cứ xử phạt bị cáo N 03 năm tù là phù hợp, mức án khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới và xét thấy bị cáo đang có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và 01 tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật nên mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp, không nặng, đáp ứng được yêu cầu giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do vậy, Hội đồng xét xử

không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **N 03** (Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 06/10/2020).

2. Bị cáo N phải chịu **200.000đ** (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 10/8/2021).

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV06 CA Q.N;
- P.HSNV Sở tư pháp Q. N;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thế Cẩm

